TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 07-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số 198/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Trương Thị H, sinh năm 1969.

2. **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969

Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1969 (chồng bà Y).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang .

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

Ngày 23/8/2018 bà H cho bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Minh S (sau đây gọi tắt là bà Y, ông S) vay số tiền 31.000.000 đồng, theo hình thức trả góp, mỗi ngày bà Y góp trả cho bà H 500.000 đồng, trong thời hạn 70 ngày. Bà Y góp được 47 ngày với số tiền 23.500.000 đồng, còn lại 23 ngày chưa góp với số tiền 11.500.000 đồng.

Ngày 13/9/2018 bà H cho bà Y vay số tiền 31.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên (mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong thời hạn 70 ngày). Sau khi vay tiền bà Y góp cho bà H được 21 ngày với số tiền 10.500.000 đồng, còn lại 39 ngày chưa góp với số tiền 19.500.000 đồng.

Ngày 10/10/2018 bà H tiếp tục cho bà Y vay 24.800.000 đồng, với hình thức trả góp, mỗi ngày góp 400.000 đồng, trong thời hạn 70 ngày, bà Y góp được 02 ngày với số tiền 800.000 đồng, còn lại 68 ngày chưa góp với số tiền 27.200.000 đồng. Tổng cộng bà Y còn nợ bà H số tiền 58.200.000 đồng, sau đó bà Y có trả được cho bà H 200.000 đồng, còn lại 58.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà Y, ông S trả số tiền 58.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Minh Strình bày:

Vợ chồng bà Y, ông S thừa nhận còn nợ bà H 58.00.000 đồng. Tuy nhiên do công việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà Y, ông S xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện (bản gốc), Giấy chứng minh nhân dân (bản sao), Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc), Đơn yêu cầu (bản gốc), Biên bản hòa giải cơ sở (bản gốc).

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trương Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Minh S là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể bà H yêu cầu vợ chồng bà Y, ông S trả tiền vay còn thiếu là 58.000.000 đồng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi vợ chồng bà Y, ông S trả số tiền

58.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa vợ chồng bà Y, ông S thừa nhận ngày 23/8/2018 có vay của bà H 31.000.000 đồng, theo hình thức trả góp, mỗi ngày trả 500.000 đồng, trong thời hạn 70 ngày, nhưng chỉ góp được 47 ngày với số tiền 23.500.000 đồng, còn lại 23 ngày chưa góp với số tiền 11.500.000 đồng.

Ngày 13/9/2018 vợ chồng bà Y vay của bà H số tiền 31.000.000 đồng với hình thức trả góp như trên nhưng chỉ góp được 21 ngày với số tiền 10.500.000 đồng, còn lại 39 ngày chưa góp với số tiền 19.500.000 đồng.

Riêng đối với số tiền 24.800.000 đồng, trước đây vợ chồng bà Y vay của bà H là 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi ngày bà Y cho bà H là 125.00 đồng tiền lãi. Sau đó bà Y có trả cho bà H được 200.000 đồng, còn thiếu lại 24.800.000 đồng. Do lãi suất cao nên bà Y thỏa thuận với bà H chuyển qua trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, nhưng chỉ góp được 02 ngày thì bể nợ nên không có khả năng góp tiếp, còn thiếu lại 68 ngày với số tiền 27.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, mặc dù vợ chồng bà Y, ông S thừa nhận còn nợ lại bà H số tiền 58.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức khoảng 1,66%/tháng), cụ thể:

Tiền lãi 70 ngày của số tiền 31.000.000 đồng tính theo quy định của pháp luật là 1.200.700 đồng, nhưng theo thỏa thuận của các bên thì tiền lãi đến 4.000.000 đồng (vay 31.000.000 đồng, góp đủ 35.000.000 đồng).

Tiền lãi của số tiền 24.800.000 đồng trong thời gian 70 ngày theo quy định pháp luật là 960.500 đồng, nhưng nếu bà Y góp đủ cho bà H theo thỏa thuận thì gốc và lãi là 28.000.000 đồng (tiền lãi 3.200.000 đồng). Vì vậy, cần phải tính lại lãi suất, cụ thể:

Ngày 23/8/2018 bà Y vay của bà H 31.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật 70 ngày là 1.200.700 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 32.200.700 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm nghìn bảy trăm đồng). Bà Y đã trả cho bà H được 23.500.000 đồng. Như vậy bà Y còn nợ bà H là 8.700.700 đồng (tám triệu bảy trăm nghìn bảy trăm đồng).

Tương tự, ngày 13/9/2018 bà Y vay của bà H 31.000.000 đồng, gốc và lãi trong thời hạn 70 ngày là 32.200.700 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm nghìn bảy trăm đồng). Bà Y đã trả cho bà H được 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy bà Y còn phải trả cho bà H số tiền là 16.700.700 đồng (mười sáu triệu bảy trăm nghìn bảy trăm đồng).

Đối với số tiền vay 24.800.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật trong thời hạn 70 ngày là 960.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 25.760.000 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà Y trả cho bà H được 800.000 đồng, còn lại 24.960.000 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với số tiền vay 24.800.000 đồng, bà Y, ông S cho rằng trước đây có đóng lãi cho bà H mỗi ngày là 125.000 đồng/ngày, đóng gần 12 tháng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ. Như vậy, tổng số tiền bà Y, ông S phải trả cho bà H là 50.361.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Bác một phần yêu cầu của bà H việc đòi vợ chồng bà Y, ông S trả số tiền là 58.000.000 đồng - 50.361.000 đồng = 7.639.000 đồng (bảy triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa, ông S cho rằng bà Y là người trực tiếp vay tiền của bà H, nhưng ông S vẫn đồng ý đứng ra trả nợ cho bà H. Căn cứ Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà Y, ông S chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền là 50.361.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà Y, ông S phải chịu tiền án phí là 2.518.000 đồng (hai triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Bà H phải chịu tiền án phí tương ứng với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 382.000 đồng (ba trăm tám mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 1.450.000 đồng theo biên lai thu số 0004377 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà H được nhận lại số tiền 1.068.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Minh S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Minh S chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị H số tiền 50.361.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

3. Bác một phần yêu cầu của bà Trương Thị H về việc đòi vợ chồng ông Nguyễn Minh S, bà Nguyễn Thị Y trả số tiền 7.639.000 đồng (bảy triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng).

4. Về lãi suất: Nguyên đơn bà H không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Vợ chồng bà Y, ông S phải chịu tiền án phí là 2.518.000 đồng (hai triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Bà H phải chịu tiền án phí tương ứng với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 382.000 đồng (ba trăm tám mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 1.450.000 đồng theo biên lai thu số 0004377 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà H được nhận lại số tiền 1.068.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;

- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;

- Các đương sự;

- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh